

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **13/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-5-2019

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đình Kiên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2019/TLST-HN&GD ngày 08/3/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Đình Th** - SN: 1983 (có mặt)

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Thu G** - SN: 1992; (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn PV, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn **anh Nguyễn Đình Th** trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: **Anh Th** và **chị G** tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã **PR** ngày 27/02/2012, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu **Phạm Chí B**, sinh ngày 31/5/2013.

Từ năm 2018 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị **G** ăn chơi với bạn bè, không quan tâm lo lắng cho gia đình, vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau. Anh **Th** cho

rằng hiện nay tình cảm hai vợ chồng không còn, không có khả năng giải quyết mâu thuẫn, hôn nhân không đạt được mục đích chung sống hạnh phúc. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019, anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Chí B, sinh ngày 31/5/2013. Đến ngày 16/4/2016 anh Th tự nguyện xin rút phần yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn **chị Lê Thị Thu G** trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: **Chị G thừa nhận giữa chị G và anh Th là vợ chồng, có tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã PR** ngày 27/02/2012, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Phạm Chí B, sinh ngày 31/5/2013.

Chị G cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường, tuy không hạnh phúc nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Chị G không đồng ý ly hôn với anh Th.

+ *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, ông Th được ly hôn với bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Phạm Đình Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Thu G cùng trú tại thôn PV, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Thu G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn chị Lê Thị Thu G.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đình Th thấy rằng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Th và chị G tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh Th, chị G tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã PR** ngày 27/02/2012. Việc kết hôn của anh Th, chị G là từ nguyện, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là vợ chồng.

- *Về mâu thuẫn gia đình*:

Anh Th cho rằng từ năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị G ăn chơi với bạn bè, không quan tâm lo lắng cho gia đình, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Mặc dù, bị đơn chị G không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, không đồng ý ly hôn với anh Th. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh tại địa phương xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Th và chị G là trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau. Tại phiên tòa, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng giải quyết mâu thuẫn, hôn nhân không đạt được mục đích chung sống hạnh phúc.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Th, kết quả xác minh tại địa phương có cơ sở xác định, đời sống hôn nhân của anh Th và chị G có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn là trầm trọng, vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, không còn thương yêu lẫn nhau. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Th là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019, anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Chí B, sinh ngày 31/5/2013, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/4/2016 anh Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc anh Th rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Anh Th phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57; 80; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Đình Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình Th được ly hôn với chị Lê Thị Thu G.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Đình Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026923, quyền số 0539 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PR, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện PR;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện PR;
- UBND xã PR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

